

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ THIẾT KẾ
XÂY DỰNG VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ THIẾT KẾ
XÂY DỰNG VIỆT NAM**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất	9 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Tư vấn Thiết kế Xây dựng - Doanh nghiệp Nhà nước, được chuyển đổi cổ phần hóa theo các Quyết định số 1307/QĐ-BXD ngày 18 tháng 09 năm 2006; Quyết định số 1631/QĐ-BXD ngày 30 tháng 11 năm 2006 và Quyết định số 38/QĐ-BXD ngày 10 tháng 01 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015356 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 01 năm 2007, cấp lại mã số doanh nghiệp số 0100106112, thay đổi lần thứ năm (05) ngày 30 tháng 5 năm 2020 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 05 (năm) là 8.800.000.000 đồng (*Bằng chữ: Tám tỷ tám trăm triệu đồng*).

Trụ sở chính của Công ty: Nhà CIC-CDC, Số 37 Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc của Công ty:

- Xí nghiệp Tư vấn Thiết kế Xây dựng số 1
- Xí nghiệp Tư vấn Thiết kế Xây dựng số 2
- Xí nghiệp Tư vấn Thiết kế Xây dựng số 3
- Xí nghiệp Tư vấn Thiết kế Xây dựng số 4
- Xí nghiệp Tư vấn Thiết kế Cơ điện số 1
- Xí nghiệp Tư vấn Thiết kế Cơ điện số 2
- Xí nghiệp Khảo sát Xây dựng
- Trung tâm Tư vấn Quản lý dự án và Giám sát xây dựng
- Trung tâm Tư vấn Thiết kế nước và Hạ tầng
- Trung tâm Tư vấn Thiết kế cấp thoát nước
- Trung tâm Tư vấn kinh tế xây dựng

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Trần Bình Trọng	Chủ tịch
	Ông Trần Tuấn Anh	Ủy viên
	Bà Võ Thanh Hà	Ủy viên
	Ông Lý Xuân Trung	Ủy viên
	Ông Sử Mạnh Hà	Ủy viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Tổng Giám đốc	Ông Trần Tuấn Anh	Tổng Giám đốc
	Bà Võ Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Mạnh Trường	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/6/2020)
	Ông Lý Xuân Trung	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Hà Thế Mạnh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Sử Mạnh Hà	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế IN PACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Trần Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2021

Số: 99/2021/BCKTHN - CPA VIETNAM - NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư
và Thiết kế Xây dựng Việt Nam

Kính gửi:**Các Cổ đông****Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc****Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam, được lập ngày 02/03/2021, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Vũ Ngọc Ân**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2021/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế IN PACT**

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2021

Vũ Xuân Hùng**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4015-2017-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

	MS	TM	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		74.421.234.644	71.326.263.505
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	25.409.999.520	20.821.160.735
1. Tiền	111		8.409.999.520	6.821.160.735
2. Các khoản tương đương tiền	112		17.000.000.000	14.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		18.800.000.000	27.800.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	18.800.000.000	27.800.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		21.894.855.919	20.194.408.077
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	23.813.314.053	22.532.760.093
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		536.144.906	1.503.864.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	830.824.517	182.413.932
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(3.285.427.557)	(4.024.629.948)
IV. Hàng tồn kho	140	5.5	7.989.064.519	2.274.580.575
1. Hàng tồn kho	141		7.989.064.519	2.274.580.575
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		327.314.686	236.114.118
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		171.770.389	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	155.544.297	236.114.118
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.126.227.567	5.019.314.014
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		220.762.000	218.920.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	220.762.000	218.920.000
II. Tài sản cố định	220		2.275.995.259	3.049.974.866
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	1.845.715.931	2.239.910.838
- Nguyên giá	222		8.857.457.098	9.151.730.507
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.011.741.167)	(6.911.819.669)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	430.279.328	810.064.028
- Nguyên giá	228		2.176.224.016	2.133.644.016
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.745.944.688)	(1.323.579.988)
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		375.000.000	375.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.8	375.000.000	375.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.254.470.308	1.375.419.148
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	1.254.470.308	1.375.419.148
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		78.547.462.211	76.345.577.519

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

	MS	TM	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		51.821.101.929	53.857.853.896
I. Nợ ngắn hạn	310		51.701.101.929	53.737.853.896
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	1.142.053.060	1.133.367.775
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	37.377.483.671	35.477.168.513
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	217.473.471	221.329.107
4. Phải trả người lao động	314		6.340.549.309	3.950.436.110
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.598.524.194	836.234.308
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	5.159.167.970	9.711.871.837
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	5.14	(134.149.746)	2.407.446.246
II. Nợ dài hạn	330		120.000.000	120.000.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.13	120.000.000	120.000.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		26.726.360.282	22.487.723.623
(400 = 410+430)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.15	26.726.360.282	22.487.723.623
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		8.800.000.000	8.800.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		8.800.000.000	8.800.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		13.512.657.765	13.512.657.765
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		132.232.228	132.232.228
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.281.470.289	42.833.630
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	31.772.871
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.281.470.289	11.060.759
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		78.547.462.211	76.345.577.519
(440 = 300+400)				

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2021
 Tổng Giám đốc

Người lập

Kế toán trưởng

Hoàng Trung Hiếu

Đỗ Mạnh Hùng

Trần Tuấn Anh



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.16	119.807.084.348	124.240.767.050
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		119.807.084.348	124.240.767.050
4. Giá vốn hàng bán	11	5.17	89.653.545.145	91.962.612.425
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		30.153.539.203	32.278.154.625
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.18	2.058.710.620	1.775.136.103
7. Chi phí tài chính	22		21.679.685	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.19	25.001.540.640	26.748.736.509
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		7.189.029.498	7.304.554.219
12. Thu nhập khác	31	5.20	320.604.141	280.272.962
13. Chi phí khác	32	5.20	920.643.891	993.117.866
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(600.039.750)	(712.844.904)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		6.588.989.748	6.591.709.315
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.21	2.246.006.157	1.372.353.284
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		4.342.983.591	5.219.356.031
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		4.342.983.591	5.219.356.031
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.22	4.935	3.193

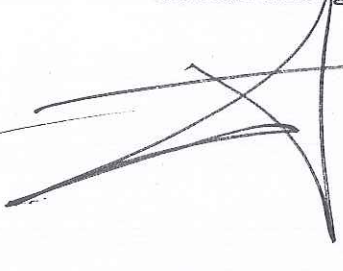
Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2021

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


 Hoàng Trung Hiếu


 Đỗ Mạnh Hùng




 Trần Tuấn Anh

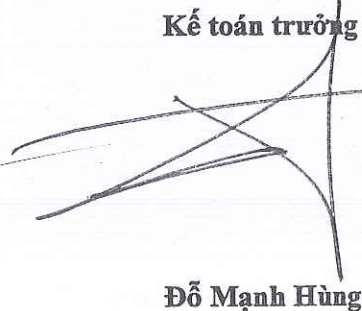
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
1	2	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	6.588.989.748	6.591.709.315
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	522.286.198	807.686.176
- Các khoản dự phòng	03	(739.202.391)	(109.041.000)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	1.178.560	(11.060.759)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.058.710.620)	(1.764.802.617)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	4.314.541.495	5.514.491.115
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(1.054.288.019)	(4.229.113.312)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(5.714.483.944)	3.158.053.070
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	3.086.737.394	6.931.776.874
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	120.948.840	445.985.108
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.334.420.420)	(1.913.999.838)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	2.600.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(2.646.570.439)	(2.885.549.385)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(4.227.535.093)	7.024.243.632
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(206.598.182)	(1.162.735.681)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	196.363.636	727.273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(13.000.000.000)	(1.591.917.573)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	22.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.862.346.984	1.764.075.344
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	10.852.112.438	(989.850.637)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.034.560.000)	(2.102.799.882)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.034.560.000)	(2.102.799.882)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	4.590.017.345	3.931.593.113
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	20.821.160.735	16.878.506.863
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.178.560)	11.060.759
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	25.409.999.520	20.821.160.735

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2021

Người lập

 Hoàng Trung Hiếu

Kế toán trưởng

 Đỗ Mạnh Hùng

Tổng Giám đốc

 Trần Tuấn Anh



1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam tiền thân là Công ty Tư vấn thiết kế Xây dựng - Doanh nghiệp Nhà nước, được chuyển đổi cổ phần hóa theo các Quyết định số 1307/QĐ-BXD ngày 18 tháng 09 năm 2006; Quyết định số 1631/QĐ-BXD ngày 30 tháng 11 năm 2006 và Quyết định số 38/QĐ-BXD ngày 10 tháng 01 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015356 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 01 năm 2007, cấp lại mã số doanh nghiệp số 0100106112, thay đổi lần thứ năm (05) ngày 30 tháng 5 năm 2020 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP	448.800	4.488.000.000	51%
Các cổ đông khác	431.200	4.312.000.000	49%
Cộng	880.000	8.800.000.000	100%

Trụ sở chính của Công ty: Nhà CIC-CDC, Số 37 Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Số lao động tại ngày 31/12/2020 là 302 người (tại ngày 31/12/2019 là 302 người)

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Tư vấn đầu tư xây dựng (lập dự án đầu tư, thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, đấu thầu) công trình đường dây và trạm biến áp có quy mô cấp điện áp đến 35KV; Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 35KV;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Kiểm định, kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng các công trình xây dựng;
- Thiết kế và thi công trang trí nội, ngoại thất công trình;
- Dịch vụ tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính);
- Lập hồ sơ mời thầu, tư vấn đấu thầu;
- Quản lý dự án, giám sát kỹ thuật xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường;
- Thăm tra thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán công trình xây dựng;
- Tổng thầu tư vấn, thiết kế và lập tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật;
- Thiết kế quy hoạch chi tiết các khu dân cư, khu chức năng đô thị và khu công nghiệp;
- Khảo sát địa hình và khảo sát địa chất đo đạc các công trình xây dựng;
- Lập và thẩm định dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu đô thị và bảo vệ môi trường.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Tư vấn đầu tư xây dựng.

Công ty con được hợp nhất gồm:

Công ty con của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam là Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Xây dựng Miền Nam. Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Xây dựng Miền Nam được thành lập và hoạt động giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305753791. Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 08 là 2.000.000.000 đồng, Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam nắm giữ 100% vốn điều lệ.

1.3 Chu kỳ sản xuất kinh, doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2020, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

- Xí nghiệp Tư vấn Thiết kế Xây dựng số 1
- Xí nghiệp Tư vấn Thiết kế Xây dựng số 2
- Xí nghiệp Tư vấn Thiết kế Xây dựng số 3
- Xí nghiệp Tư vấn Thiết kế Xây dựng số 4
- Xí nghiệp Tư vấn Thiết kế Cơ điện số 1
- Xí nghiệp Tư vấn Thiết kế Cơ điện số 2
- Xí nghiệp Khảo sát Xây dựng
- Trung tâm Tư vấn Quản lý dự án và Giám sát xây dựng
- Trung tâm Tư vấn Thiết kế nước và Hạ tầng
- Trung tâm Tư vấn Thiết kế cấp thoát nước
- Trung tâm Tư vấn kinh tế xây dựng

Công ty có Công ty con là Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Xây dựng Miền Nam.

1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam và công ty con của Công ty là Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Xây dựng Miền Nam.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng tại ngày 31/12/2020.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại các khoản mục có gốc tiền tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Thời điểm	Ngân hàng	Tỷ giá mua vào
31/12/2020	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	23.035 VND/USD
31/12/2020	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	23.035 VND/USD

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư khác

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với Chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**a. Nguyên tắc kế toán****Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là giá trị phần mềm máy vi tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	30
Máy móc và thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải	07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 04

TSCĐ vô hình là phần mềm tin học được khấu hao trong 5 năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Năm 2020, Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Nghị Quyết số 116/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc Hội về việc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác và Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc Hội về việc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là Tư vấn thiết kế xây dựng và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tiền mặt	289.563.133	512.640.297
Tiền gửi ngân hàng (*)	8.120.436.387	6.308.520.438
Các khoản tương đương tiền (*)	17.000.000.000	14.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	17.000.000.000	14.000.000.000
Tổng	25.409.999.520	20.821.160.735

(*): Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền và các khoản tương đương tiền gồm 14.413,82 USD (số đầu năm là: 26.243,82 USD).

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	18.800.000.000	18.800.000.000	27.800.000.000	27.800.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	18.800.000.000	18.800.000.000	27.800.000.000	27.800.000.000
Tổng	18.800.000.000	18.800.000.000	27.800.000.000	27.800.000.000

5.3 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	23.813.314.053	22.532.760.093
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hạ tầng & Giao thông	1.284.925.000	1.284.925.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Cơ điện IEC	-	1.622.100.000
Công ty CP Tập đoàn MIK GROUP Việt Nam	-	2.052.979.823
Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam - Hà Nội	1.564.000.000	1.173.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Địa ốc Thành phố	1.734.375.403	-
Công ty CP Tập đoàn Phương Hoàng Xanh A&A	1.687.500.000	-
Phải thu các đối tượng khác (*)	17.542.513.650	16.399.755.270
Tổng	23.813.314.053	22.532.760.093

(*): Các đối tượng khác bao gồm khoản phải thu các khách hàng có số dư nhỏ hơn 10% tổng giá trị số dư công nợ phải thu khách hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ THIẾT KẾ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.4 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngắn hạn	830.824.517	-	182.413.932	-
- Phải thu thuế TNCN	176.809.138	-	220.000	-
- Công ty TNHH Truyền thông Mẹ	180.000.000	-	-	-
- Phải thu về tiền thuế phải nộp theo quyết định thanh tra	99.117.207	-	-	-
Tạm ứng	2.223.933	-	182.193.932	-
Phải thu khác	372.674.239	-	-	-
b) dài hạn	220.762.000	-	218.920.000	-
Ký cược, ký quỹ	220.762.000	-	218.920.000	-
Tổng	1.051.586.517	-	401.333.932	-

5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.989.064.519	-	2.274.580.575	-
Tổng	7.989.064.519	-	2.274.580.575	-

5.6 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2020	3.546.300.174	1.655.555.546	3.949.874.787	9.151.730.507
Tăng trong năm	-	164.018.182	-	164.018.182
Mua trong năm	-	164.018.182	-	164.018.182
Giảm trong năm	-	39.582.500	418.709.091	458.291.591
Thanh lý, nhượng bán	-	39.582.500	418.709.091	458.291.591
Số dư tại 31/12/2020	3.546.300.174	1.779.991.228	3.531.165.696	8.857.457.098
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2020	2.487.265.723	1.278.960.500	3.145.593.446	6.911.819.669
Tăng trong năm	118.210.006	198.237.403	241.765.680	558.213.089
Khấu hao trong năm	118.210.006	198.237.403	241.765.680	558.213.089
Giảm trong năm	-	39.582.500	418.709.091	458.291.591
Thanh lý, nhượng bán	-	39.582.500	418.709.091	458.291.591
Số dư tại 31/12/2020	2.605.475.729	1.437.615.403	2.968.650.035	7.011.741.167
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2020	1.059.034.451	376.595.046	804.281.341	2.239.910.838
Tại 31/12/2020	940.824.445	342.375.825	562.515.661	1.845.715.931

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là: 4.032.240.931 đồng (tại ngày 01/01/2020 là: 3.984.051.886 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ THIẾT KẾ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.7 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm máy vi tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2020	2.133.644.016	2.133.644.016
Tăng trong năm	42.580.000	42.580.000
Mua trong năm	42.580.000	42.580.000
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2020	2.176.224.016	2.176.224.016
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2020	1.323.579.988	1.323.579.988
Tăng trong năm	422.364.700	422.364.700
Khấu hao trong năm	422.364.700	422.364.700
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2020	1.745.944.688	1.745.944.688
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2020	810.064.028	810.064.028
Tại 31/12/2020	430.279.328	430.279.328

5.8 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2020 (VND)			01/01/2020 (VND)		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	375.000.000	-		375.000.000	-	
Công ty Cổ phần Lilamaland	375.000.000	-	(*)	375.000.000	-	(*)
Tổng	375.000.000	-		375.000.000	-	

(*): Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán hợp nhất này, Chúng tôi chưa thu thập được thông tin tài chính, Báo cáo tài chính cũng như các bằng chứng thích hợp khác về giá trị hợp lý các khoản đầu tư tài chính các Công ty khác mà Công ty đầu tư.

5.9 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Dài hạn	1.254.470.308	1.375.419.148
Công cụ dụng cụ	612.678.812	505.034.252
Chi phí khác	75.878.186	50.350.000
Chi phí đề án nâng cao năng lực thiết kế	565.913.310	820.034.896
Tổng	1.254.470.308	1.375.419.148

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ THIẾT KẾ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Bảo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.10 Phải trả người bán

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	1.142.053.060	1.142.053.060	1.133.367.775	1.133.367.775
Công ty CP H.T.L Đầu tư xây dựng	291.370.416	291.370.416	-	-
Công ty TNHH In xây dựng CPC	186.319.375	186.319.375	146.509.605	146.509.605
Công ty TNHH MTV Công nghệ TMT	118.800.000	118.800.000	-	-
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Anh Kiệt	139.016.900	139.016.900	80.384.590	80.384.590
Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ An Thịnh	-	-	357.152.400	357.152.400
Phải trả người bán ngắn hạn đối tượng khác (*)	406.546.369	406.546.369	549.321.180	549.321.180
Tổng	1.142.053.060	1.142.053.060	1.133.367.775	1.133.367.775

(*): Phải trả các đối tượng khác bao gồm khoản phải trả các nhà cung cấp có số dư nhỏ hơn 10% tổng giá trị số dư công nợ phải trả người bán.

5.11 Người mua trả tiền trước

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Trường Đại học Phenikaa	3.294.000.000	3.294.000.000
Công ty TNHH Thành phố Mặt trời (SCT)	-	4.491.894.002
Công ty TNHH Kiến trúc và Xây dựng SAMMO	-	4.375.000.000
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng chuyên ngành - Bộ Xây dựng	-	5.343.431.687
Bệnh viện đa khoa Y Cao	5.775.000.000	-
Đài Truyền hình Việt Nam	1.918.929.725	-
Các đối tượng khác (*)	26.389.553.946	17.972.842.824
Tổng	37.377.483.671	35.477.168.513

(*): Các đối tượng khác bao gồm khoản trả tiền trước của các khách hàng có số dư nhỏ hơn 10% tổng giá trị số dư công nợ người mua trả tiền trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ THIẾT KẾ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Bảo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2020 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2020 VND
Phải nộp	221.329.107	11.113.137.369	11.116.993.005	217.473.471
Thuế giá trị gia tăng	192.587.929	8.173.857.174	8.260.494.716	105.950.387
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.799.999	2.405.486.002	2.334.420.420	81.865.581
Thuế thu nhập cá nhân	17.941.179	139.621.843	127.905.519	29.657.503
Các khoản thuế khác	-	394.172.350	394.172.350	-
Phải thu	236.114.118	1.707.228.342	1.626.658.521	155.544.297
Thuế thu nhập doanh nghiệp	70.839.786	70.839.786	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	165.263.321	1.636.377.545	1.626.658.521	155.544.297
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	11.011	11.011	-	-

5.13 Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
a) Ngắn hạn	5.159.167.970	9.711.871.837
Kinh phí công đoàn	72.959.924	14.395.924
Bảo hiểm xã hội	716.625.796	708.357.067
Bảo hiểm thất nghiệp	69.991.800	56.743.245
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	2.035.187.515
Chi phí Phải trả các Xí nghiệp và Trung tâm của Công ty (*)	3.926.916.211	6.736.138.161
Phải trả, phải nộp khác	372.674.239	161.049.925
b) Dài hạn	120.000.000	120.000.000
Phải dài hạn khác	120.000.000	120.000.000
Tổng	5.279.167.970	9.831.871.837

(*): Khoản phải trả khác là khoản phải trả cho các Trung tâm, Chi nhánh đã chi phí thực hiện các công trình của Công ty theo tỷ lệ giao khoán.

5.14 Quỹ khen thưởng phúc lợi

Nội dung	01/01/2020 VND	Trích trong năm	Chi trong năm	31/12/2020 VND
Quỹ khen thưởng	123.461.775	964.596.831	667.614.000	420.444.606
Quỹ phúc lợi (*)	2.029.586.032	104.974.446	2.689.154.830	(554.594.352)
Quỹ khen thưởng ban Quản lý Công ty	254.398.439	-	254.398.439	-
Tổng	2.407.446.246	1.069.571.277	3.611.167.269	(134.149.746)

(*): Công ty sẽ thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 cho các Quỹ theo Nghị Quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ THIẾT KẾ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.15 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2019	8.800.000.000	12.749.462.447	132.232.228	31.772.871	21.713.467.546
Tăng trong năm	-	763.195.318	-	5.219.356.031	5.982.551.349
Lãi trong năm	-	-	-	5.219.356.031	5.219.356.031
Trích lập các quỹ	-	763.195.318	-	-	763.195.318
Giảm trong năm	-	-	-	5.208.295.272	5.208.295.272
Trích lập các quỹ	-	-	-	3.173.107.757	3.173.107.757
Chia trả cổ tức	-	-	-	2.035.187.515	2.035.187.515
Số dư tại 31/12/2019	8.800.000.000	13.512.657.765	132.232.228	42.833.630	22.487.723.623
Số dư tại 01/01/2020	8.800.000.000	13.512.657.765	132.232.228	42.833.630	22.487.723.623
Tăng trong năm	-	-	-	4.343.611.106	4.343.611.106
Lỗ trong năm	-	-	-	4.342.983.591	4.342.983.591
Chuyển số dư cổ tức chưa chi hết theo Nghị quyết ĐHĐCĐ về LNST	-	-	-	627.515	627.515
Giảm trong năm	-	-	-	104.974.447	104.974.447
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	104.974.447	104.974.447
Số dư tại 31/12/2020	8.800.000.000	13.512.657.765	132.232.228	4.281.470.289	26.726.360.282

(*): Công ty con: Công ty TNHH MTV Tư vấn thiết kế xây dựng Miền Nam (CDCs) thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Quyết định số 77/QĐ-HĐQT-CDC ngày 04/02/2021 như sau:

Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi với tỷ lệ 60% tương đương: 104.974.446 đồng.

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ THIẾT KẾ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.15 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP	4.488.000.000	4.488.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	4.312.000.000	4.312.000.000
Tổng	8.800.000.000	8.800.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	8.800.000.000	8.800.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	8.800.000.000	8.800.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	5.208.295.272

d. Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	880.000	880.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	880.000	880.000
Cổ phiếu phổ thông	880.000	880.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	880.000	880.000
Cổ phiếu phổ thông	880.000	880.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

5.16 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	299.999.999	288.428.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	119.507.084.349	123.679.611.778
Doanh thu khác	-	272.727.272
Tổng	119.807.084.348	124.240.767.050

5.17 Giá vốn hàng bán

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn bán hàng hóa	-	204.339.880
Giá vốn cung cấp dịch vụ	89.653.545.145	91.703.899.352
Giá vốn khác	-	54.373.193
Tổng	89.653.545.145	91.962.612.425

5.18 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.058.710.620	1.764.075.344
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	11.060.759
Tổng	2.058.710.620	1.775.136.103

5.19 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25.001.540.640	26.748.736.509
Chi phí nhân viên quản lý	14.339.050.087	14.943.526.404
Chi phí vật liệu quản lý	1.186.961.921	846.307.489
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.088.917.449	1.095.470.862
Chi phí khấu hao	662.198.774	552.317.222
Thuế, phí, lệ phí	17.058.199	38.792.870
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.511.771.489	3.796.492.205
Chi phí khác bằng tiền	5.934.785.112	5.475.829.457
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(739.202.391)	-
Tổng	25.001.540.640	26.748.736.509

5.20 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý tài sản	196.363.636	727.273
Nhận tài trợ giải Golf	25.000.000	279.545.454
Thu nhập khác	99.240.505	235
Tổng	320.604.141	280.272.962
Chi phí khác		
Chi phí tài trợ	-	16.000.000
Phạt vi phạm hợp đồng kinh tế	136.043.823	766.000.000
Chi phí tổ chức giải Golf	20.000.000	211.000.000
Truy thu theo biên bản thanh tra thuế	660.344.458	-
Chi phí khác	104.255.610	117.866
Tổng	920.643.891	993.117.866
Lợi nhuận khác	(600.039.750)	(712.844.904)

5.21 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	6.588.989.748	6.591.709.315
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	889.032.306	281.117.866
<i>Chi phí thuế sau tra soát hóa đơn mua hàng, tài trợ, truy thu theo biên bản thanh tra thuế</i>	<i>822.732.306</i>	<i>227.117.866</i>
<i>Thu nhập HĐTV không điều hành</i>	<i>66.300.000</i>	<i>54.000.000</i>
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	-	11.060.759
<i>+ Lãi do đánh giá lại số dư tiền gốc ngoại tệ</i>	<i>-</i>	<i>11.060.759</i>
Thu nhập chịu thuế	7.478.022.054	6.861.766.422
<i>Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong năm</i>		
Thu nhập tính thuế TNDN	7.478.022.054	6.861.766.422
Thuế TNDN phải nộp (20%)	1.495.604.411	1.372.353.284
Giảm 30% thuế TNDN theo Nghị định 114/2020 NĐ- CP ngày 25/09/2020	448.681.323	-
Thuế TNDN bị truy thu theo Biên bản thanh tra Thuế năm trước	1.265.519.406	-
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.312.442.494	1.372.353.284
Trong đó:		
Chi phí thuế TNDN của Công ty	2.246.006.157	-
Thuế TNDN truy thu bên thứ 3	66.436.337	-

5.22 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ	4.342.983.591	5.219.356.031
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	2.409.912.439
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.342.983.591	2.809.443.592
Cổ phiếu phổ thông bình quân để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	880.000	880.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	4.935	3.193

(*): Năm 2020, Công ty chưa xác định được mức trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2020, lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ thay đổi theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.

5.23 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.876.545.308	126.081.564.702
Chi phí nhân công	66.134.206.414	53.182.888.316
Chi phí khấu hao tài sản cố định	558.213.089	19.974.699.280
Chi phí dự phòng	(739.202.391)	1.879.464.135
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.905.106.798	67.497.798.699
Chi phí khác bằng tiền	11.413.350.937	3.277.586.907
Tổng	118.148.220.155	271.894.002.039

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Trong năm, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Thu nhập của Ban Giám đốc, Thủ lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thành viên HĐQT và Ban điều hành, BKS	Lương và thù lao	4.496.813.845	4.760.469.214
Tổng		4.496.813.845	4.760.469.214

6.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPAVIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT với ý kiến chấp nhận toàn phần.

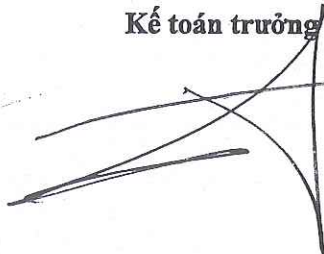
Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2021

Người lập



Hoàng Trung Hiếu

Kế toán trưởng



Đỗ Mạnh Hùng

Tổng Giám đốc



Trần Tuấn Anh

